

Bản án số: 174/2025/KDTM-PT
Ngày: 11-6-2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hoá

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Đoan Trang

Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Ngọc Thy Thơ – Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: bà Lê Thị Thuận Hoà – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11-6-2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2025/TLPT-KDTM ngày 07-3-2025, về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/KDTM-ST ngày 14-01-2025 của Toà án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2227/2025/QĐ-PT ngày 23-4-2025; Quyết định hoãn phiên toà số 7151/2025/QĐ-PT ngày 22-5-2025; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH G1 (Việt Nam)

Địa chỉ: Tòa nhà S, số A đường C, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Nguyễn Đào Hà G, sinh năm 1989; là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền số 03/2024/GUQ ngày 19-3-2024) (có mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH N (Việt Nam)

Địa chỉ: số I Đường số B, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: bà Đặng Tịnh Q, sinh năm 1984; địa chỉ: 2, Khu phố G, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 22-5-2025) (có mặt).

Người kháng cáo: Công ty TNHH N (Việt Nam).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn Công ty TNHH G1 có ông Nguyễn Đào Hà G đại diện trình bày: Ngày 19-5-2023, Công ty TNHH G1 (sau đây gọi là Công ty G1) và Công ty TNHH N (sau đây gọi là Công ty N) có thỏa thuận và ký kết Hợp đồng kinh tế số 14/05-2023/HĐKT về việc Công ty N tiêu thụ phân bón của Công ty G1 nhập khẩu phân phối trong năm 2023.

Sau khi ký xong hợp đồng, Công ty G1 đã thực hiện nghĩa vụ giao hàng, nhưng Công ty N không thực hiện thanh toán tiền sau khi đã nhận hàng. Ngày 30-6-2023, Công ty G1 đối chiếu công nợ với Công ty N, xác nhận số tiền nợ gốc là 4.317.612.000 đồng. Từ ngày 30-6-2023 đến ngày 28-9-2023, Công ty N chỉ thanh toán công nợ quá hạn với số tiền 1.337.182.000 đồng, số nợ gốc còn lại là 2.981.430.000 đồng và lãi quá hạn tính đến ngày 19-02-2024 là 108.065.583 đồng.

Công ty G1 yêu cầu Toà án giải quyết buộc Công ty N thanh toán số tiền 3.089.495.853 đồng, gồm: nợ gốc là 2.981.430.000 đồng và lãi nợ quá hạn là 108.065.583 đồng, không yêu cầu tính lãi cho đến khi kết thúc vụ án.

Bị đơn Công ty TNHH N có bà Đặng Tịnh Q đại diện trình bày: Công ty N xác nhận nội dung ký kết hợp đồng như Nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, từ thời điểm tháng 9 và tháng 10 năm 2023, sau khi nhận bản đối chiếu công nợ, Công ty N đã nhiều lần yêu cầu Công ty G1 gặp trực tiếp để thực hiện đối chiếu, cân trừ công nợ nhưng Công ty G1 vẫn không cử người qua làm việc. Việc quá hạn thanh toán không xuất phát từ lỗi cố ý của Công ty N nên không thể buộc Công ty N1 lãi nợ quá hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty G1 không thực hiện đúng nội dung ký kết mà cố ý khoanh vùng bán, hạn chế biến số xe nhận hàng và hạn chế không cho bán các vùng khác nên đại lý vùng đó trả hàng, phí vận chuyển trả hàng vẫn chưa được Công ty G1 thanh toán. Đồng thời, phía Công ty G1 đã có hành vi gây những nhiễu loạn trong quá trình nhận hàng và bán hàng để đòi thêm tiền chiết khấu, gây ra thiệt hại vật chất cho Công ty N2. Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty G1, Công ty N chỉ đồng ý thanh toán số tiền nợ gốc là 2.981.430.000 đồng, không đồng ý tiền lãi do nợ quá hạn và xin được trả dần số nợ trên thành 15 đến 20 lần. Đồng thời Công ty N yêu cầu phản tố đề nghị Công ty TNHH G1 (Việt Nam) phải cân trừ chi phí trả hàng phát sinh do bị khoanh vùng phân phối hàng hoá, cụ thể số tiền 82.000.000 đồng vào tổng số tiền nợ gốc 2.981.430.000 đồng.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Nguyên đơn Công ty TNHH G1 yêu cầu Toà án giải quyết buộc Công ty N thanh toán số tiền nợ gốc là 2.981.430.000 đồng một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Rút yêu cầu về việc đề nghị Công ty N trả lãi do nợ quá hạn là 108.065.583 đồng. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Bị đơn vì Công ty không có bất kỳ điều khoản và thỏa thuận nào về việc chấp nhận hay phê duyệt hỗ trợ cho Công ty N trả hàng hoặc chi phí khác.

Bị đơn Công ty N đồng ý thanh toán số tiền nợ gốc là 2.981.430.000 đồng, trả dần 15 đến 20 lần. Yêu cầu phản tố đề nghị Công ty TNHH G1 (Việt Nam) phải cân trừ chi phí trả hàng phát sinh do bị khoanh vùng phân phối hàng hóa, cụ thể số tiền 82.000.000 đồng vào tổng số tiền nợ gốc 2.981.430.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/KDTM-ST ngày 14-01-2025 của Toà án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty TNHH G1 (Việt Nam):

Buộc Bị đơn Công ty TNHH N (Việt Nam) phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH G1 (Việt Nam) toàn bộ số tiền mua hàng 2.981.430.000 đồng một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty TNHH G1 (Việt Nam) có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty TNHH N (Việt Nam) không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng Công ty TNHH N (Việt Nam) còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Bị đơn Công ty TNHH N (Việt Nam) buộc Công ty TNHH G1 (Việt Nam) phải cân trừ chi phí trả hàng phát sinh do bị khoanh vùng phân phối hàng hóa, cụ thể số tiền 82.000.000 đồng vào tổng số tiền nợ gốc 2.981.430.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Sau khi Toà án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm,

Ngày 21-01-2025, Công ty TNHH N có Đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm; đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của Bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, Nguyên đơn đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của Bị đơn.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn; giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2025/KDTM-ST ngày 14-01-2025 của Toà án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Công ty TNHH G1 (Việt Nam) khởi kiện yêu cầu Bị đơn Công ty TNHH N (Việt Nam) phải có trách nhiệm thanh toán nợ mua bán từ Hợp đồng kinh tế số 14/05-2023/HĐKT ngày 19-5-2023. Đây là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá, phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận; Bị đơn có trụ sở tại quận G, Thành phố Hồ Chí Minh nên Toà án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Ngày 14-01-2025, Toà án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm; ngày 21-01-2025, Bị đơn có Đơn kháng cáo. Xét kháng cáo còn trong thời hạn luật định, hợp lệ nên Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thủ tục phúc thẩm quy định tại điểm b khoản 3 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Xét kháng cáo của Bị đơn yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu phản tố của Bị đơn: Buộc Nguyên đơn phải chịu trách nhiệm đối với chi phí vận chuyển hàng trả là 82.000.000 đồng và căn trừ vào nợ gốc mà Bị đơn phải trả cho Nguyên đơn 2.981.430.000 đồng; Hội đồng xét xử nhận thấy: tại cấp sơ thẩm, Bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh Nguyên đơn xác nhận đồng ý căn trừ chi phí trả hàng 82.000.000 đồng cho Bị đơn; Hợp đồng kinh tế số 14/05-2023/HĐKT ngày 19-5-2023 không có điều khoản thỏa thuận nào giữa hai bên về việc trả hàng, căn trừ chi phí. Tại văn bản giải trình ngày 02-6-2025, Bị đơn có nộp kèm 2 tài liệu là Giấy uỷ nhiệm chi số 2921 ngày 03-7-2023 thể hiện ông Ngô Vinh T chuyển tiền cho ông Ngô Quốc C 52.800.000 đồng, nội dung “Tan chuyen tien vc...” và email tiếng Anh ông Ngô Vinh T gửi cho bộ phận kế toán và nhân sự của Nguyên đơn ngày 30-5-2025 với nội dung mong muốn Nguyên đơn cử đại diện đến công ty B để thương lượng, giải quyết công nợ; hai tài liệu do Bị đơn cung cấp bổ sung về hình thức chưa đủ căn cứ để xác định là chứng cứ theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Luật Giao dịch điện tử và Khoản 3 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự; về nội dung các tài liệu này cũng không đủ cơ sở chứng minh cho yêu cầu phản tố của Bị đơn là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn.

[4] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết và có hiệu lực thi hành.

[5] Về án phí phúc thẩm: Bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng do kháng cáo không được chấp nhận.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH N, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/KDTM-ST ngày 14-01-2025 của Toà án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 50, Điều 306 của Luật Thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Công ty TNHH G1 (Việt Nam) về việc buộc Công ty TNHH N (Việt Nam) phải thanh toán lãi quá hạn tính đến ngày 19-2-2024 là 108.065.583 (một trăm lẻ tám triệu, không trăm sáu mươi lăm ngàn, năm trăm tám mươi ba) đồng.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH G1 (Việt Nam):

Buộc Công ty TNHH N (Việt Nam) phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH G1 (Việt Nam) toàn bộ số tiền mua hàng 2.981.430.000 (hai tỷ, chín trăm tám mươi một triệu, bốn trăm ba mươi ngàn) đồng một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty TNHH G1 (Việt Nam) cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH N (Việt Nam) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH N (Việt Nam) buộc Công ty TNHH G1 (Việt Nam) phải căn trừ chi phí trả hàng phát sinh 82.000.000 (tám mươi hai triệu) đồng vào tổng số tiền nợ gốc 2.981.430.000 (hai tỷ, chín trăm tám mươi một triệu, bốn trăm ba mươi ngàn) đồng.

4. Về án phí kinh doanh thương mại:

- Án phí sơ thẩm:

Công ty TNHH N (Việt Nam) phải chịu án phí 91.628.600 (chín mươi một triệu, sáu trăm hai mươi tám ngàn, sáu trăm) đồng và án phí do không được chấp nhận yêu cầu phản tố là 4.100.000 (bốn triệu, một trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.050.000 (hai triệu, không trăm năm mươi ngàn) đồng đã nộp theo biên lai số 0014494 ngày 25-9-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty TNHH N (Việt Nam) còn phải nộp 93.678.600 (chín mươi ba triệu, sáu trăm bảy mươi tám ngàn, sáu trăm) đồng.

Công ty TNHH G1 (Việt Nam) không phải chịu án phí sơ thẩm; hoàn lại cho Công ty TNHH G1 (Việt Nam) tiền tạm ứng án phí 46.894.959 (bốn mươi sáu triệu, tám trăm chín mươi bốn ngàn, chín trăm năm mươi chín) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0013800 ngày 28-5-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí phúc thẩm: Công ty TNHH N (Việt Nam) phải chịu án phí phúc thẩm 2.000.000 (hai triệu) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 (hai triệu) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0057229 ngày 22-01-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- TAND quận Gò Vấp;
- Cục THADS TP. HCM
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trương Thị Quỳnh Trâm